TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Y** **TỈNH H**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 69/2024/HNGĐ-ST
Ngày 08 tháng 7 năm 2024
" V/v tranh chấp Hôn nhân gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Y, TỈNH H

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Nhiên.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Xuân Thuật và ông Lê Văn Đạt.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Bá Thuận - Thư ký viên chính Tòa án nhân dân huyện Y.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Thơ - Kiểm sát viên.

Trong ngày 08 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Y, tỉnh H xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 28/2024/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2024 về Tranh chấp Hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 5 năm 2024, Quyết định hoãn phiên toà số: 13/2024/QĐST-HPT ngày 06 tháng 6 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 17/2024/QĐST-HPT ngày 21 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Lê Văn Th, sinh năm: 1997; (có mặt)

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Y, sinh năm: 1998; (vắng mặt)

Đều HKTT và cư trú: Thôn L, xã T, huyện Y, tỉnh H.

Người làm chứng:

1. Ông Nguyễn Hữu K, sinh năm: 1969; Địa chỉ: Khu tái định cư L, phường T, Tp. S, tỉnh T; (vắng mặt)

2. Bà Trần Thị H, sinh năm: 1975; Địa chỉ: Thôn L, xã T, huyện Y, tỉnh H. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ghi ngày 05 tháng 4 năm 2024, nguyên đơn anh Lê Văn Th trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị Y tự nguyện kết hôn và đăng ký kết

hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Y, tỉnh H ngày 04 tháng 11 năm 2022. Quá trình chung sống vợ chồng bình thường đến đầu năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, về cách làm ăn kinh tế và quản lý kinh tế, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, dẫn đến cãi chửi nhau, không tôn trọng nhau, chị Y đã bỏ đi thuê nhà trọ sống, tháng 5 năm 2023 anh và chị Y đã trao đổi và thống nhất thuận tình ly hôn và đều đến Toà án huyện Y nộp đơn thuận tình ly hôn, sau đó chị Y không đến Toà án. Nay anh nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, vợ chồng chung sống không hạnh phúc nên anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Y.

Về con chung: Anh xác định vợ chồng chưa có con chung.

Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản, nghĩa vụ chung, và các vấn đề khác.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập nhiều lần nhưng chị Y đều vắng mặt không có lý do nên Tòa án không ghi được ý kiến của chị Y, tại đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự của chị Y và anh Th nộp đến Tòa án thì chị Y trình bày: Việc kết hôn, chung sống và mâu thuẫn như anh Th trình bày, anh chị đã chung sống với nhau nhưng không có con chung dẫn đến cuộc sống vợ chồng trở lên căng thẳng, mâu thuẫn, hai bên đã cố gắng trao đổi nhưng không giải quyết được mâu thuẫn, chị và anh Th nộp đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự về việc thuận tình ly hôn tại TAND huyện Y. Về con chung: Chị xác định vợ chồng chưa có con chung. Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản, nghĩa vụ chung, và các vấn đề khác.

Người làm chứng ông Nguyễn Hữu K, bố chị Y trình bày: Việc kết hôn, chung sống, mâu thuẫn vợ chồng của anh Th và chị Y như anh chị ấy trình bày, gia đình đã khuyên bảo nhiều lần nhưng không được. Nay anh Th xin ly hôn, ông đề nghị Tòa án giải quyết cho chị Y được ly hôn anh Th để ổn định cuộc sống. Chị Y và anh Th chưa có con chung, chị Y và anh Th không có công sức đóng góp, kinh tế gì liên quan đến gia đình ông. Chị Y hiện đang làm công nhân tại H và vẫn cư trú tại xã T, huyện Y. Tuy nhiên, ông đề nghị Toà án gửi các văn bản tố tụng của chị Y cho ông, ông cam kết sẽ thông báo cho chị Y.

Người làm chứng bà Trần Thị H, mẹ anh Th trình bày: Việc kết hôn, chung sống, mâu thuẫn vợ chồng của anh Th và chị Y như anh chị ấy trình bày, chị Y bỏ ra ngoài thuê trọ sống. Nay anh Th và chị Y đều đề nghị được ly hôn nhau, bà nhất trí. Anh Th và chị Y chưa có con chung, anh Th và chị Y không có công sức đóng góp, kinh tế gì liên quan đến gia đình bà.

Tại phiên tòa:

Anh Th cương quyết đề nghị Toà án giải quyết cho anh ly hôn với chị Y. Về con chung, tài sản, nghĩa vụ chung và các vấn đề khác anh không yêu cầu Toà án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y, tỉnh H phát biểu ý kiến:

- Việc chấp hành pháp luật: Kể từ khi thụ ký vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, và các đương sự về cơ bản đã tuân thủ theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; tuy nhiên việc tống đạt văn bản tố tụng của Tòa án cho chị Y chưa được đảm bảo.

- Về nội dung: Xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa anh Th và chị Y đã trầm trọng, hôn nhân không thể kéo dài được nên yêu cầu ly hôn của anh Th cần được chấp nhận.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 57, khoản 3 Điều 58 và khoản 2 Điều 97 Bộ luật tố tụng dân sự đề nghị tiếp tục xác minh, thu thập chứng cứ nơi cư trú hiện tại của chị Nguyễn Thị Y, tống đạt các văn bản tố tụng cho chị Y theo quy định của pháp luật.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Trên cơ sở xem xét, đánh giá toàn diện, khách quan, đầy đủ các chứng cứ, lời trình bầy của các đương sự, và quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

- Về quan hệ pháp luật: Anh Lê Văn Th khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện Y giải quyết ly hôn chị Nguyễn Thị Y nên quan hệ pháp luật tranh chấp là *"Tranh chấp về hôn nhân và gia đình"* theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về thẩm quyền giải quyết: Chị Nguyễn Thị Y là bị đơn có số định danh cá nhân/CMND là 038198002534 và cư trú tại Thôn L, xã T, huyện Y theo xác nhận thông tin về cư trú của UBND xã T vào ngày 11 tháng 03 năm 2024 nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Y theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, do đó việc Kiểm sát viên đề nghị HĐXX xác minh làm rõ nơi cư trú của bị đơn là không cần thiết.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn chị Nguyễn Thị Y đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt không có lý do, Tòa án đã tiến hành tống đạt và niêm yết các văn bản tố tụng cho các đương sự hợp lệ nên HĐXX tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại Điều 228, Điều 229 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của anh Lê Văn Th thì thấy rằng: Anh Th và chị Nguyễn Thị Y kết hôn tự nguyện và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Y, tỉnh H vào ngày 04 tháng 11 năm 2020 nên hôn nhân của anh chị là

hợp pháp. Anh Th xác định quá trình chung sống vợ chồng thường bất đồng, nguyên nhân do không có con chung, dẫn đến cuộc sống chung không có hạnh phúc và cả hai vợ chồng đã đi đến thống nhất ly hôn. Lời trình bày của anh Th phù hợp với đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự về việc công nhận thuận tình ly hôn của chị Y và anh Th do chị Y và anh Th nộp trực tiếp cho Tòa án vào ngày 26/5/2023 và phù hợp với lời khai của những người làm chứng ông Khoa, bà Hiện nên HĐXX thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa anh Th và chị Y đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không còn yêu thương, quý trọng nhau, đời sống chung không thể kéo dài và cả hai đều đề nghị được ly hôn là phù hợp với thực tế hôn nhân nên được chấp nhận.

[4] Về con chung, tài sản chung, nghĩa vụ chung, và các vấn đề khác: Anh Lê Văn Th và chị Nguyễn Thị Y đều không yêu cầu nên không giải quyết.

[5] Anh Lê Văn Th phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình. Điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147; các Điều 228, 229, 235 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2. Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lê Văn Th.

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Văn Th được ly hôn chị Nguyễn Thị Y.

2.2. Con chung, tài sản, nghĩa vụ chung và các vấn đề khác: Không giải quyết.

2.3. Án phí: Anh Lê Văn Th phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001516 ngày 08 tháng 4 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Y; anh Th đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

2.4. Quyền kháng cáo: Anh Lê Văn Th được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Chị Nguyễn Thị Y được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Phan Thị Nhiên

Nơi nhận:
- VKSND huyện Y;
- Các đương sự;
- UBND xã T;
- VKSND tỉnh H;
- Chi cục THADS huyện Y;
- Lưu: VT, hồ sơ.